

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2024

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nước

Ông Phạm Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chăm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng G, sinh năm 1999; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Lê Đệ T, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Hồng G trình bày: Chị và anh Lê Đệ T kết hôn năm 2019 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu cuộc sống với chồng có hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 10 năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà cứ đi chơi suốt, tham gia tệ nạn cờ bạc rồi gây ra nợ nần, có vợ con rồi nhưng cứ nghĩ như đang độc thân, anh Tam s không thật thà và còn có thái độ không tôn trọng mẹ

chị. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **G** yêu cầu xin được ly hôn với anh **T**. Về con chung, chị **G** yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu **Lê Bảo Y**, sinh ngày 07/5/2020, không yêu cầu anh **Tam cấp d** nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **Lê Thị Hồng G** và anh **Lê Đệ T** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, đề nghị giao **Lê Bảo Y**, sinh ngày 07/5/2020 cho chị **G** nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn **Lê Đệ T** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, anh **Lê Đệ T** đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227; của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh **Lê Đệ Tam**.

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **T** nhưng anh **T** không có kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải, điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị **Lê Thị Hồng G**: Chị **G** và anh **T** kết hôn với nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L** vào ngày 18/02/2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vì vậy, hôn nhân giữa chị **G** và anh **T** là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian đầu chung sống thì vợ chồng có hạnh phúc, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã ly thân đến nay gần 02 năm. Từ đó cho thấy, chị **G**

và anh **T** đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, tình trạng vợ chồng giữa hai người đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị Hồng G**.

[3] Về con chung: Xét thấy, chị **G** với anh **T** có với nhau một người con chung là cháu **Lê Bảo Y**, sinh ngày 07/5/2020, đang do chị **G** nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất, cháu **Y** đang sống ổn định đã quen với điều kiện môi trường sống chung với mẹ. Do đó, nhằm ổn định sự phát triển về mọi mặt tâm sinh lý và đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Y** được tốt nhất, cũng như nhằm tránh gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu **Y** nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu **Y** cho chị **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **G** phải chịu án phí ly hôn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Hồng G** được ly hôn với anh **Lê Đệ Tam**.
2. Về con chung: Giao cháu **Lê Bảo Y**, sinh ngày 07/5/2020 cho chị **Lê Thị Hồng G** nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh **Lê Đệ T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị **Lê Thị Hồng G** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo biên lai thu tiền số 0003887 ngày 21/5/2024.

4. Chị **Lê Thị Hồng G** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **Lê Đệ T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã Dân Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Tài**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Nước**

**Hà Văn Quen**

**Nguyễn Hữu Tài**